

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 62 /2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 9 – 2017

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vân

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Đoan

2. Ông Trần Công Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên – Thư ký tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Sáu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 204/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L – Sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ 13, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng H – Sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 13, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tiến S – Sinh năm 1964; Bà Hoàng Thị P – Sinh năm 1965; Cùng địa chỉ: Tổ 12, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên Tòa nguyên đơn có mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 5 năm 2017 và tại phiên Tòa nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Đăng H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2005, theo giấy chứng nhận kết hôn số 51 do Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước cấp ngày 15/7/2005. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, anh H không lo làm ăn, đi làm không đem tiền về nuôi gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi vã và anh H có lần đánh chị L. Cuộc sống ngày càng căng thẳng, không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

Quá trình chung sống chị L và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Đăng D, sinh ngày 01/8/2000, Nguyễn Đăng T, sinh ngày 06/5/2004. Khi ly hôn chị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con 750.000đ/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ ông Nguyễn Tiến S, bà Hoàng Thị P số tiền 20.000.000đ mua vật liệu xây dựng còn thiếu năm 2015. Khi ly hôn chị L yêu cầu H vợ chồng có trách nhiệm trả nợ, mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số nợ. Chị L trả cho ông P, bà S 10.000.000đ làm 05 lần và mỗi lần 2.000.000đ, thời gian trả là ngày 28/10/2017.

Kèm theo đơn khởi kiện chị L đã cung cấp cho Tòa án bản chính giấy đăng ký kết hôn để làm căn cứ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Tại đơn yêu cầu độc lập đề ngày 27 tháng 6 năm 2017 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến S, bà Hoàng Thị P trình bày:

Năm 2015 vợ chồng chị L, anh H xây dựng nhà nên có mua vật liệu xây dựng của bà P, ông S và còn nợ lại số tiền 20.000.000đ và có viết lại giấy nợ ghi ngày 16/12/2015. Nay chị L, anh H ly hôn thì bà P, ông S yêu cầu chị L, anh H mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ là 10.000.000đ, không tính lãi suất. Bà P, ông S yêu cầu anh H trả tiền làm 01 lần còn chị L thì bà P, ông S chấp nhận cho trả 5 lần tiền mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian trả bắt đầu là ngày 28/10/2017.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Đăng H :

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án số: 204/TB-TLVA ngày 19/6/2017; thông báo yêu cầu độc lập số: 05/2017/TB-TA ngày 27/6/2017, giấy triệu tập đến Tòa án nhân dân huyện Hón Quản để giải quyết vụ án nhưng anh H đều không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, cũng không có yêu cầu phản tố. Tòa án nhân dân huyện Hón Quản đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 75A/TB-TA ngày 17/7/2017 nhưng anh H không tham gia; Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ thông báo kết quả phiên họp ngày 21/8/2017 cho anh H nhưng anh H cũng không có ý kiến.

Quá trình giải quyết vụ án anh H không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Tòa án tiến hành lấy lời khai H cháu: Nguyễn Đăng Dương, Nguyễn Đăng T thì đều có ý kiến khi chị L, anh H ly hôn thì H cháu đều nguyện vọng ở với chị L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kiến nghị: không

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, đề xuất Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Đăng H. Về con chung giao 02 con chung cho chị Phạm Thị L nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi với số tiền mỗi con chung là 750.000đ/tháng. Về tài sản chung không xem xét, nợ chung chị L, anh H mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho ông S, bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đăng H và anh H hiện cư trú tại ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Tại phiên tòa anh Nguyễn Đăng H vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho anh H theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh H vẫn vắng mặt và xem như anh H từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H với lý do chủ yếu về kinh tế gia đình khó khăn, anh H không chăm lo cho gia đình mà chỉ ham chơi nên vợ

chồng thường xuyên xảy ra việc tranh cãi, căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không hạnh phúc. Tại biên bản xác minh ngày 04/8/2017 thì đại diện chính quyền địa phương xã Tân Hưng cũng xác định: vợ chồng chị L, anh H quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nên tình cảm không còn, anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị L và anh H không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu của chị L xin ly hôn là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L và cho chị L được ly hôn với anh H.

[4] Về con chung: chị L và anh H có 02 con chung là Nguyễn Đăng D, sinh ngày 01/8/2000, Nguyễn Đăng T, sinh ngày 06/5/2004. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy hiện tại 02 con chung đang sống với chị L và nguyện vọng của 02 con chung cũng mong muốn được sống với chị L nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Hội đồng xét xử giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con 750.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên cần buộc anh H cấp dưỡng nuôi 02 con là phù hợp. Theo biên bản xác minh tại địa phương ngày 18/8/2017 thì thu nhập thực tế của 01 công lao động phổ thông tại xã Tân Hưng là 150.000.000đ/ngày (trung bình 4.500.000đ/tháng) nên trước yêu cầu của chị L là có cơ sở và buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 750.000đ/ tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] Tài sản chung: Tự thỏa thuận không xem xét.

[6] Về nợ chung: Tại phiên Tòa chị L thừa nhận vợ chồng có nợ ông Nguyễn Tiến S, bà Hoàng Thị P số tiền 20.000.000đ mua vật liệu xây dựng để xây nhà và chị

L có viết giấy nhận nợ ngày 16/12/2015. Tại phiên Tòa ông S, bà P đều yêu cầu khi giải quyết ly hôn thì chị L, anh H mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền là 10.000.000đ, anh H trả tiền làm 01 lần còn chị L thì trả 5 lần tiền mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian trả bắt đầu là ngày 28/10/2017. Qua biên bản xác minh ngày 15/9/2017, bà Lê Thị V là mẹ ruột của anh Nguyễn Đăng H cũng xác định khi vợ chồng chị L, anh H xây dựng nhà thì có mua vật liệu xây dựng của bà P và ông S và có thiếu tiền vật liệu xây dựng. Căn cứ vào Điều 27, 37, 60 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì chị L, anh H phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ khi ly hôn. Do đó, yêu cầu của bà P, ông S, chị L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh Nguyễn Đăng H trả cho bà Hoàng Thị P, ông Nguyễn Tiến S số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) làm 01 lần. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị L với ông S, bà P về tiền nợ 10.000.000đ (mười triệu đồng); phương thức trả tiền là 2.000.000đ/tháng, ngày trả nợ là ngày 28 hàng tháng và thời gian thời gian trả bắt đầu ngày 28/10/2017 đến ngày 28/02/2018.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn chịu án phí cấp dưỡng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định. Hoàn trả lại án phí cho bà P, ông S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 27, 37, 51, 56, 60, 81, 82 ,83, 84, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Đăng H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyền số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước cấp ngày 15/7/2005 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

2.1. Giao 02 con chung tên Nguyễn Đăng D, sinh ngày 01/8/2000, Nguyễn Đăng T, sinh ngày 06/5/2004 cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

2.2. Anh Nguyễn Đăng H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Đăng D, sinh ngày 01/8/2000 số tiền 750.000đ/tháng, Nguyễn Đăng T, sinh ngày 06/5/2004 số tiền 750.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Buộc anh Nguyễn Đăng H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Tiến S, bà Hoàng Thị P số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Phạm Thị L và ông Nguyễn Tiến S, bà Hoàng Thị P như sau: Chị Phạm Thị L trả cho ông Nguyễn Tiến S, bà Hoàng Thị P số tiền

10.000.000đ(mười triệu đồng); phương thức trả tiền là 2.000.000đ/tháng, ngày trả nợ là ngày 28 hàng tháng và thời gian trả bắt đầu ngày 28/10/2017 đến ngày 28/02/2018.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình, 500.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012184 ngày 19/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước nên chị L còn phải nộp 500.000đ.

Anh Nguyễn Đăng H phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng và 500.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 500.000đ cho ông Nguyễn Tiến S, bà Hoàng Thị P theo biên lai thu số 0012201 ngày 27/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị L, ông Nguyễn Tiến S, bà Hoàng Thị P có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Đăng H vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Văn Vân